TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 19-9-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Son;
Ông Lâm Văn Be.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Huy Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2018/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn". Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị S, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 4, ấp ĐR, xã TT, huyện TC, tỉnh Tây Ninh - có mặt.

2. Bị đơn: Anh N, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 4, ấp ĐR, xã TT, huyện TC, tỉnh Tây Ninh - có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà M, sinh năm 1962 địa chỉ: Tổ 04, ấp 4, xã SD, huyện TC, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 02-7-2018) - có mặt.

3. Người kháng cáo nguyên đơn chị S và bị đơn anh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị S trình bày:

Chị và anh N sống chung với nhau tự nguyện, không ai ép buộc từ tháng 9 năm 2009, đến ngày 31-8-2011 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện TC, tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2017 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do mâu thuẫn về lối sống, vợ chồng bất đồng quan

điểm sống. Hiện nay chị và anh N đã ly thân, xét thấy vợ chồng không thể sống chung với nhau được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh N.

* Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung tên H, sinh ngày 21-12-2011, hiện đang sống cùng chị. Chị yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung:

Tài sản chung của chị và anh N gồm có: 90 xe đất san lấp hầm trị giá 45.000.000 đồng; 01 nhà vòm cột xây, mái gỗ lợp tôn, xây dựng năm 2016; 01 hàng rào lưới B40 và cổng rào xây dựng năm 2017; 01 bộ bàn ghế gỗ tràm, mua năm 2016; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 150 mang biển số 70K1-282.40 mua năm 2015 do chị đứng tên; 26 chỉ vàng 24K 9999 trừ trong đó có số tiền 21.924.000 đồng là tài sản riêng của chị đưa vào mua (chị đang giữ là 23 chỉ, còn anh N giữ 03 chỉ).

Chị đồng ý chia đôi tài sản chung, chị yêu cầu được nhận tài sản và thanh toán cho anh N tiền mặt theo giá trị sau khi đã định giá tài sản.

Căn nhà chính xây dựng trên phần đất diện tích 2.129,30 m^2, thuộc thửa đất số 146, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại ấp ĐR, xã TT, huyện TC, tỉnh Tây Ninh là do chị xây dựng bằng tiền riêng của chị có trước khi kết hôn với anh N. Chị không đồng ý chia căn nhà chính vì đây là tài sản riêng của chị.

Các tài sản chung khác gồm: 01 Tivi Samsung 43 inch; 01 máy giặt hiệu Sanyo; 01 máy phát điện không nhớ rõ hiệu; 01 dàn karaoke Baramac và loa, chị và anh N đã tự thỏa thuận được, không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh N trình bày:

Anh thống nhất ý kiến với lời trình bày của chị S về thời gian sống chung, đăng ký kết hôn, con chung và mâu thuẫn hôn nhân giữa anh và chị S.

* Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị S.

* Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung:

Anh và chị S có những tài sản chung như sau: 90 xe đất lấp hầm trị giá 45.000.000 đồng; 01 nhà vòm, cột xây, mái gỗ lợp tôn, làm năm 2016; 01 hàng rào lưới B40 và cổng rào xây dựng năm 2017; 01 bộ bàn ghế gỗ tràm, mua năm 2016; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 150 mang biển số 70K1-282.40 mua năm 2015 do chị S đứng tên; 26 chỉ vàng 24K 9999, hiện chị S đang giữ 23 chỉ, còn anh giữ 03 chỉ; 01 căn nhà cấp IV xây vào tháng 11 năm 2009 (sau khi anh và chị S sống chung được 02 tháng) trên phần đất diện tích 2.129,30 m^2, thuộc thửa đất số 146, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại ấp ĐR, xã TT, huyện TC, tỉnh Tây Ninh. Có xây thêm năm 2014, diện tích nền nhà khoảng 200m^2, lót gạch men, mái lợp tôn, tường gạch xây trên thửa đất là tài sản riêng của chị S.

Anh yêu cầu chia đôi giá trị tài sản chung, giao các tài sản chung cho chị S tiếp tục sử dụng, anh được nhận tiền mặt là 200.000.000 đồng.

Các tài sản chung khác gồm: 01 Tivi Samsung 43 inch; 01 máy giặt hiệu Sanyo; 01 máy phát điện không nhớ rõ hiệu; 01 dàn karaoke Baramac và loa anh và chị S đã tự thỏa thuận được, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên anh rút lại phần yêu cầu chia tài sản chung này.

* Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người đại diện hợp pháp của anh N, bà M trình bày:

Về phần tài sản chung của anh N và chị S, bà thống nhất theo yêu cầu của anh N. Yêu cầu chia tài sản chung của anh N và chị S theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hôn nhân sơ thẩm số 40/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 6 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ Điều 33, khoản 2 Điều 55, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 147, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị S và anh N.

2. Về con chung: Giao con chung cháu H, sinh ngày 21-12-2011 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị S không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được quyền cản trở.

3. Về chia tài sản khi ly hôn:

3.1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh N đối với chị S về chia các tài sản gồm: 01 Tivi Samsung 43 inch; 01 máy giặt hiệu Sanyo; 01 máy phát điện; 01 dàn karaoke Baramac và loa.

3.2. Chia cho chị S được quyền sở hữu:

+ 01 căn nhà ở chính diện tích 72,92 m^2 xây dựng năm 2009, có móng và cột xây gạch, kết cấu bao che tường xây gạch, trát vữa, sơn P, cửa chính và cửa sổ khung sắt, gắn kính, mái lợp tole, trần tole lạnh kết cấu đỡ mái bằng đòn tay, nền gạch men;

+ 01 nhà ở phụ (phần chữ L) diện tích 45,48 m^2 xây dựng năm 2014, có móng và cột xây gạch, kết cấu bao che tường xây gạch, trát vữa, sơn P, một nữa tường mượn nhà ở chính, cửa chính khung sắt, gắn kính, mái lợp tole, trần tole lạnh kết cấu đỡ mái bằng đòn tay, nền gạch men;

+ 01 mái che diện tích 68,31 m^2 xây năm 2015, có móng và cột xây gạch, không vách, mái lợp tole, kết cấu đỡ mái bằng đòn tay, nền xi măng;

+ 01 hàng rào lưới B40 và cổng rào xây năm 2017, có móng xây gạch, cột bê tông, tường bao che bằng lưới B40, chiều cao 1,8 mét, phần cổng được ráp từ sắt hộp dạng song sắt (quét sơn);

Nhà ở chính, nhà ở phụ, mái che, hàng rào lưới B40 và cổng rào nằm trên phần đất diện tích 2.129,30 m^2, thửa đất số 146, tờ bản đồ số 28, nhà và đất tọa lạc tại tổ 04, ấp ĐR, xã TT, huyện TC, tỉnh Tây Ninh, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho chị S ngày 27-4-2016, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CĐ 538850.

+ 23 (hai mươi ba) chỉ vàng 24 K 9999;

+ Trị giá 90 xe đất đã đổ để san lấp hầm là 45.000.000 đồng;

+ 01 xe mô tô biển số 70K1-282.40, nhãn hiệu YAMAHA, model Exciter 150, màu sơn đỏ-đen, số máy G3D4E-024406, số khung UG0610FY024395, sản xuất năm 2015, giấy chứng nhận đăng ký xe số 003883;

+ 01 Bộ bàn ghế gỗ sản xuất năm 2014, loại gỗ tràm, gồm 02 bàn (tổng dài 1,55 m x 0,5 m), 01 ghế dài (1,85 m x 0,8 m), 02 ghế ngắn (0,8 m x 0,8 m).

3.2. Chia cho anh N được quyền sở hữu: 03(ba) chỉ vàng 24 K 9999.

3.3. Chị S phải thanh toán cho anh N số tiền là 173.547.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo.

Ngày 29-6-2018, nguyên đơn chị S có đơn kháng cáo về phần chia tài sản khi ly hôn. Chị yêu cầu được sở hữu toàn bộ tài sản chung và thanh toán lại cho anh N số tiền 100.000.000 đồng.

Cùng ngày 29-6-2018, bị đơn anh A có đơn kháng cáo về phần chia tài sản khi ly hôn, yêu cầu cấp phúc thẩm chia lại tài sản khi ly hôn do cấp sơ thẩm chia chưa thỏa đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

+ Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng nghĩng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Tại phiên tòa, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 300; khoảng 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm số 40/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu tỉnh Tây Ninh, theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự thỏa thuận với nhau về toàn bộ nội dung vụ án. Cụ thể:

Anh N và chị S thống nhất số tiền 21.924.000 đồng là tài sản riêng của chị S có nguồn gốc từ tiền trợ cấp thôi việc theo quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 645-QĐ/Cty ngày 10-11-2017 của công ty TNHH Cao su 30/4 TN và tài sản chung của chị S và anh N gồm có:

+ 23 chỉ vàng 24 K 9999 trị giá 91.780.000 đồng, được trừ ra 21.924.000 đồng còn lại 69.856.000 đồng;

+ 90 xe đất đã đổ để san lấp hầm trị giá 45.000.000 đồng;

+ 01 xe mô tô biển số 70K1-282.40, nhãn hiệu YAMAHA, model Exciter 150, màu sơn đỏ-đen, số máy G3D4E-024406, số khung UG0610FY024395, sản xuất năm 2015, giấy chứng nhận đăng ký xe số 003883 trị giá 35.569.092 đồng;

+ 01 Bộ bàn ghế gỗ sản xuất năm 2014, loại gỗ tràm, gồm 02 bàn (tổng dài 1,55 m x 0,5 m), 01 ghế dài (1,85 m x 0,8 m), 02 ghế ngắn (0,8 m x 0,8 m) trị giá 4.920.000 đồng;

+ 01 căn nhà ở phụ (phần chữ L) diện tích 45,48 m^2 xây dựng năm 2014, có móng và cột xây gạch, kết cấu bao che tường xây gạch, trát vữa, sơn P, một nữa tường mượn nhà ở chính, cửa chính khung sắt, gắn kính, mái lợp tole, trần tole lạnh kết cấu đỡ mái bằng đòn tay, nền gạch men trị giá 77.867.420 đồng;

+ 01 mái che diện tích 68,31 m^2 xây năm 2015, có móng và cột xây gạch, không vách, mái lợp tole, kết cấu đỡ mái bằng đòn tay, nền xi măng trị giá 14.376.674 đồng;

+ 01 hàng rào lưới B40 và cổng rào xây năm 2017, có móng xây gạch, cột bê tông, tường bao che bằng lưới B40, chiều cao 1,8 mét, phần cổng được ráp từ sắt hộp dạng song sắt (quét sơn) trị giá 59.502.195 đồng;

Tổng cộng giá trị tài sản là 307.091.381 đồng chị S và anh N mỗi người được hưởng ½, trị giá là 153.545.690 đồng;

+ 01 căn nhà ở chính diện tích 72,92 m^2 xây dựng năm 2009, có móng và cột xây gạch, kết cấu bao che tường xây gạch, trát vữa, sơn P, cửa chính và cửa sổ khung sắt, gắn kính, mái lợp tole, trần tole lạnh kết cấu đỡ mái bằng đòn tay, nền gạch men trị giá 130.960.783 đồng chị S được hưởng 85% giá trị 111.316.665 đồng; anh N được hưởng 15% giá trị, tương đương 19.644.117 đồng.

Nên phần tài sản chị S được hưởng là 153.545.690 đồng + 111.316.665 đồng = 264.862.355 đồng và 21.924.000 đồng tiền trợ cấp thôi việc. Tổng cộng chị S được hưởng số tiền 286.786.355 đồng.

Phần tài sản anh N được hưởng là: 153.545.690 đồng + 19.644.117 đồng = 173.189.807 đồng.

Anh N hiện đang giữ 03 chỉ vàng 24K 9999, trị giá 10.590.000 đồng. Chị S đang giữ 23 chỉ vàng 24K 9999, trị giá 81.190.000 đồng.

Chị S và anh N thống nhất giao toàn bộ tài sản cho chị S quản lý, sở hữu, sử dụng chị S có nghĩa vụ thanh toán tiền cho anh N.

Do anh N đang giữ 03 chỉ vàng 24K 9999, trị giá 10.590.000 đồng, nên được trừ vào số tiền anh N được hưởng là 173.189.807 đồng - 10.590.000 đồng = 162.599.807 đồng. Buộc chị S có nghĩa vụ giao cho anh N số tiền 162.599.807 đồng tiền chia tài sản khi ly hôn.

[2] Xét thấy sự thỏa thuận của đương sự là hoàn toàn tự nguyên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định tại Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

[3] Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chị S, anh N thỏa thuận được với nhau về phần tài sản nên các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo nội dung thỏa thuận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; chị S, anh N phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 33, khoản 2 Điều 55, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa chị S và anh N về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn".

2. Sửa bản án hôn nhân sơ thẩm số 40/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị S và anh N.

2.2. Về con chung: Giao cháu H, sinh ngày 21 tháng 12 năm 2011 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị S không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được quyền cản trở.

2.3. Về chia tài sản khi ly hôn:

2.3.1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh N đối với chị S về chia các tài sản gồm: 01 Tivi Samsung 43 inch; 01 máy giặt hiệu Sanyo; 01 máy phát điện; 01 dàn karaoke Baramac và loa.

2.3.2. Chị S được quyền sở hữu:

+ 01 căn nhà ở chính diện tích 72,92 m^2 xây dựng năm 2009, có móng và cột xây gạch, kết cấu bao che tường xây gạch, trát vữa, sơn P, cửa chính và cửa sổ khung sắt, gắn kính, mái lợp tole, trần tole lạnh kết cấu đỡ mái bằng đòn tay, nền gạch men;

+ 01 căn nhà ở phụ (phần chữ L) diện tích 45,48 m^2 xây dựng năm 2014, có móng và cột xây gạch, kết cấu bao che tường xây gạch, trát vữa, sơn P, một nữa tường mượn nhà ở chính, cửa chính khung sắt, gắn kính, mái lợp tole, trần tole lạnh kết cấu đỡ mái bằng đòn tay, nền gạch men;

+ 01 mái che diện tích 68,31 m^2 xây năm 2015, có móng và cột xây gạch, không vách, mái lợp tole, kết cấu đỡ mái bằng đòn tay, nền xi măng;

+ 01 hàng rào lưới B40 và cổng rào xây năm 2017, có móng xây gạch, cột bê tông, tường bao che bằng lưới B40, chiều cao 1,8 mét, phần cổng được ráp từ sắt hộp dạng song sắt (quét sơn);

Nhà ở chính, nhà ở phụ, mái che, hàng rào lưới B40 và cổng rào nằm trên phần đất diện tích 2.129,30 m^2, thửa đất số 146, tờ bản đồ số 28, nhà và đất tọa lạc tại tổ 04,

ấp ĐR, xã TT, huyện TC, tỉnh Tây Ninh, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho chị S ngày 27-4-2016, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CĐ 538850.

+ 23 (hai mươi ba) chỉ vàng 24 K 9999;

+ 90 xe đất đã đổ để san lấp hầm trị giá 45.000.000 đồng;

+ 01 xe mô tô biển số 70K1-282.40, nhãn hiệu YAMAHA, model Exciter 150, màu sơn đỏ-đen, số máy G3D4E-024406, số khung UG0610FY024395, sản xuất năm 2015, giấy chứng nhận đăng ký xe số 003883;

+ 01 Bộ bàn ghế gỗ sản xuất năm 2014, loại gỗ tràm, gồm 02 bàn (tổng dài 1,55 m x 0,5 m), 01 ghế dài (1,85 m x 0,8 m), 02 ghế ngắn (0,8 m x 0,8 m).

2.3.3. Anh N được quyền sở hữu 03 (ba) chỉ vàng 24 K 9999.

2.3.4. Buộc chị S phải thanh toán cho anh N số tiền 162.599.807 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm chín mươi chín nghìn tám trăm lẻ bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0025212 ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và phải chịu 14.339.317 đồng (mười bốn triệu ba trăm ba mươi mươi chín nghìn ba trăm mười bảy đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản khi ly hôn.

+ Anh N phải chịu 8.659.490 đồng (tám triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản khi ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.920.000 đồng (sáu triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0025305 ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, anh N còn phải nộp 1.739.490 đồng (một triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản khi ly hôn.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

+ Chị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0025681 ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

+ Anh N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0025680 ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

4. Về chi phí thẩm định giá: Anh N tự nguyện chịu 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí thẩm định giá tài sản. Ghi nhận, anh N đã nộp và đã chi phí xong

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TN;
- TAND h.Tân Châu;
- CCTHADS h.Tân Châu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng Vân